

Bản án số 208/2018/DS-PT

Ngày: 31-8-2018

V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Tiến Dũng**

Các Thẩm phán: Ông **Vũ Viết Văn**

Ông **Đình Như Lâm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đình Thị Thu Hương** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà **Trần Thị Ngoan** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2017/TLPT-DS ngày 12 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp kiện đòi tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 19/2017/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H.Đ. bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 194/2018/QĐPT-DS ngày 20 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **L.C.H.**, sinh năm 1949

Trú tại: Thôn 4, xã Y.S., huyện H.Đ., TP. Hà Nội. (Có mặt)

Đại diện theo ủy quyền của ông H.: Anh **L.V.H.**, sinh năm 1980; HKTT: Thôn 4 xã Y.S., huyện H.Đ., Hà Nội. (Giấy ủy quyền ngày 9/11/2017). (Vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H.:

1. Luật sư **B.M.Bg.** – Văn phòng luật sư Anh Bằng và Liên doanh – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. (Có mặt)

2. Chị **H.T.M.P.**, sinh năm 1994. HKTT: N.H., C.H., T.Q.. (Có mặt)

Bị đơn: Ông **L.C.Hn.**, sinh năm 1947.

Trú tại: Thôn 4, xã Y.S., huyện H.Đ., TP. Hà Nội. (Vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của ông Hn.: Bà **N.T.T.**, sinh năm 1951, trú tại: Thôn 4, xã Y.S., huyện H.Đ., thành phố Hà Nội. (Giấy ủy quyền số công chứng:

1548/2018/GUQ quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD Văn phòng công chứng B.M). (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Hn.:

Luật sư **P.V.Tn.** – Văn phòng luật sư Đăng Văn – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.(Có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **L.C.Hg.**, sinh năm 1958. (Có mặt)
2. Bà **L.T.Mc.**, sinh năm 1945. (Có mặt)
3. Bà **L.T.Mi.**, sinh năm 1945. (Có mặt)
4. Bà **T.T.Hg.**, sinh năm 1961.(Vắng mặt)
5. Anh **L.T.Hy.**, sinh năm 1981. (Vắng mặt)
6. Anh **L.Q.H.**, sinh năm 1985. (Vắng mặt)
7. Bà **N.T.L.**, sinh năm 1958. (Vắng mặt)
8. Anh **L.V.H.**, sinh năm 1980. (Vắng mặt)
9. Anh **L.V.Hj.**, sinh năm 1981. (Có mặt)
10. Anh **L.N.Q.**, sinh năm 1987. (Có mặt)

Cùng trú tại: Thôn 4, xã Y.S., huyện H.Đ., thành phố Hà Nội

Bà L., anh Hj., anh Q. uỷ quyền cho ông L.C.H.

11. Ông **L.C.Hno**, sinh năm 1944. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Phòng 01, Lầu 11, Chung cư B.M, phường B.A., Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Ông L.C.Hn. (là bị đơn trong vụ án).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 28/3/2017 và các bản tự khai tiếp theo, nguyên đơn là ông L.C.H. trình bày:

Về quan hệ huyết thống: Bố ông là cụ L.C.Hng., đã chết năm 2003 mẹ ông là cụ N.T.Mc. đã chết năm 2006. Bố mẹ ông sinh được 7 người con gồm: ông là L.C.Hn., ông L.C.Hno, ông L.C.Hg., ông L.C.Hn., bà L.T.Mc., bà L.T.Mi. và ông L.C.Hs.. Ông Hs. đã chết năm 2013, có vợ là bà T.T.Hg. và các con là L.T.Hy., L.Q.H..

Thửa đất thổ cư số 650, diện tích 265m² tờ bản đồ số 02 thôn 4, xã Y.S., huyện H.Đ., thành phố Hà Nội hiện nay đang tranh chấp giữa ông với ông L.C.Hn. có nguồn gốc là của bố mẹ ông là cụ Hg. và cụ Mc. để lại. Trên thửa đất này có 1 ngôi nhà 4 gian, sân, công trình phụ, cây cối.

Năm 1993 bố mẹ ông đã lập di chúc cho ông và Ông Hs. được hưởng toàn bộ thửa đất trên.

Đến năm 2000, khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bố ông có yêu cầu ông tự kê khai thửa đất số 650 nêu trên nhưng ông không kê khai vì ông đã có bản di chúc phân chia cho ông và Ông Hs. thửa đất này nên ông tôn trọng cụ Hg., để cụ đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tư cách là Chủ hộ gia đình. Lúc này cụ Hg. và cụ Mc. ở chung cùng hộ khẩu với gia đình ông nên sau khi bố mẹ ông mất ông là người quản lý, sử dụng thửa đất này. Sau khi thửa đất được Nhà nước cấp giấy chứng nhận, bố mẹ ông đã giao cho ông Giấy chứng nhận này.

Năm 2015, các anh chị em cùng họp để bàn việc cải cát cho bố mẹ, tại cuộc họp ông đã đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Mc. và bà Mi. để anh chị em hoà thuận và cùng tiến hành cải cát cho bố mẹ nhưng sau đó không thực hiện được.

Tháng 01 năm 2016, ông L.C.Hn. đến thửa đất số 650 và tự nhận là được ông L.C.Hno cho 165m², cho bà Mc. và bà Mi. mỗi người 50m². Đến tháng 7/2016 ông Hn. cùng con trai và 2 thanh niên đến phá cổng và đưa đồ đạc vào sử dụng thửa đất số 650 cho đến nay. Từ thời điểm đó ông không ở đó nữa mà ông Hn., bà Mc. và bà Mi. đến ở và trồng rau.

Trên thửa đất này gia đình ông đã xây 1 nhà xưởng, xây chuồng lợn, lát sân, trồng 1 số cây ăn quả, làm 01 mái nhà. Chi phí làm mái nhà do ông Hno. đưa cho ông 4 triệu đồng để ông sửa lại. Ông đã đóng thuế nhà đất đối với thửa đất số 650 từ năm 1993 cho đến nay. Khi ông Hn. ở tại thửa đất số 650, ông Hn. có làm 1 giếng khoan, xây cổng.

Nay ông đề nghị Toà án buộc ông L.C.Hn. phải trả lại thửa đất số 650, diện tích 265m² và toàn bộ tài sản có trên đất tại thôn 4, xã Y.S., huyện H.Đ., thành phố Hà Nội cho gia đình ông.

Về việc năm 1993, ông và Ông Hs. được cụ Hg. và cụ Mc. cho hưởng tài sản nay ông không yêu cầu giải quyết theo nội dung di chúc đó vì năm 2000 bố ông là cụ Hg. đó thực hiện việc kê khai thửa đất số 650 thành tài sản chung của cả hộ gia đình ông.

Đồng thời ông đề nghị Toà án xác định phần đất của bố mẹ ông có trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đó cấp năm 2000 cho hộ cụ Hg..

Nếu ông Hn. đồng ý hoà giải, ông đồng ý tách 1 phần đất để cho ông Hno. làm chỗ thờ cúng là 50m².

Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác, ông đồng ý thanh toán cho ông Hn. chi phí làm cổng và giếng khoan, về chi phí làm mái nhà, nếu ông Hno. yêu cầu ông sẽ thanh toán cho ông Hno..

*** Theo bản tự khai và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, bị đơn là ông L.C.Hn. trình bày:**

Về quan hệ huyết thống ông nhất trí với lời trình bày của ông L.C.H..

Về nguồn gốc thửa đất hiện nay ông H. đang tranh chấp với ông có nguồn gốc của bố mẹ ông để lại là 317m². Năm 1981 bố mẹ ông đã phân chia thửa đất này cho ông L.C.Hno. Trên thửa đất này hiện tại có 1 ngôi nhà cấp 4, sân, vườn, 01 nhà xưởng do ông H. làm. Năm 2003, ông H. xin ông Hno. 52m² đất tại thửa số 650, ông Hno. đồng ý cho nên thửa đất này hiện nay chỉ còn 265m², ông không biết việc năm 1993 bố mẹ ông đó viết di chúc phân chia thửa đất này cho ông H. và Ông Hs..

Năm 2015, anh em ông họp bàn về việc cải cát cho bố mẹ, trong cuộc họp ông H. đã trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố là cụ L.C.Hng. (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay ông đang giữ). Tại cuộc họp ông H. có xuất trình bản di chúc lập năm 1993 nhưng anh em ông không quan tâm vì ông H. đã trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hno. (trong giấy ghi hộ ông L.C.Hng.) nên anh em ông mặc nhiên thừa nhận thửa đất này là của ông Hno., mặc dù trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ mang tên cụ Hg., không có tên ông Hno..

Cuối năm 2015 ông, bà Mi. và bà Mc. đến dọn dẹp nhà cửa trên phần đất này thì ông H. đến mang toàn bộ đồ đạc về nhà ông H.. Sau đó ông có dỡ bỏ cổng để làm cổng khác vì ông H. làm cổng quá cao thì xảy ra mâu thuẫn, ông H. đã có đơn đề nghị chính quyền địa phương giải quyết. Sau khi hoà giải không thành ông H. có đơn đề nghị Toà án công nhận di chúc bố mẹ ông viết cho ông H. Ông Hs. toàn bộ thửa đất này ông không đồng ý vì trong di chúc có nói việc tất cả các con đồng ý nhưng ông và ông Hno. không ký vào bản di chúc này, hơn nữa năm 2000 bố ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông L.C.Hng..

Theo ông, khi cụ Hg., cụ Mc. xây dựng gia đình cho các con và cho ra ở riêng thì các cụ đó tách mỗi con một sổ hộ khẩu riêng còn các cụ đứng riêng 1 sổ hộ khẩu. Việc ông H. cung cấp Sổ hộ khẩu của gia đình ông H. có cả bố mẹ ông là không đúng, việc này do ông H. tự làm.

Khi ông đến quản lý sử dụng thửa đất số 650 thì ông có làm 1 giếng khoan, 2 cánh cổng còn mái nhà do ông Hno. làm.

Nay ông H. khởi kiện yêu cầu ông trả lại thửa đất số 650 và các tài sản có trên đất, ông không đồng ý vì nhà đất này là của ông Hno., bố mẹ ông đã chia cho ông Hno. từ năm 1981.

Việc ông H. đồng ý tách 50m² cho ông Hno. để ông Hno. làm chỗ thờ cúng ông không đồng ý.

Ngoài ra ông không có yêu cầu hoặc đề nghị gì khác.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông L.C.Hno trình bày: Năm 1970, sau khi ông hoàn thành nghĩa vụ quân sự, ông về trực tiếp sinh hoạt tại địa phương và là chủ gia đình, do chỗ ở của gia đình chật chội, khó khăn nên UBND xã Y.S. đã làm thủ tục chuyển đổi cho ông 3 thửa đất là thửa số 103, thửa 490 và thửa 495 theo tờ bản đồ số 6 (theo sổ mục kê lập trước năm 1975 trên cơ sở bản đồ năm 1924) thành tổng diện tích 887m². Trong đó thửa số 103 diện tích 217m² là đất ở còn thửa số 490, 495 là đất vườn ao.

Năm 1981, bố mẹ ông đã phân chia đất cho các con là 05 anh em trai và phân định mốc giới, ông được hưởng 317m².

Năm 1991 ông H. đã đứng ra kê khai toàn bộ thửa đất trên đứng tên bố ông là cụ L.C.Hng..

Ngày 29/11/1992, anh em ông họp và cam kết thực hiện theo biên bản phân chia nhà đất năm 1981 lúc này ông H. cũng không nói gì về việc kê khai thửa đất từ ông sang bố ông là cụ L.C.Hng..

Thửa đất ông được chia theo biên bản phân chia năm 1981 có số thửa 650, tờ bản đồ số 02 diện tích 317m² ông H. quản lý sử dụng từ năm 1993 đến tháng 12/2015 ông H. giao trả toàn bộ giấy tờ nhà đất đứng tên bố ông là cụ L.C.Hng., ông đã nhận lại tài sản nhưng ông H. không làm thủ tục sang tên thửa đất cho ông.

Ngày 22/3/2016 vợ chồng ông cùng các con đã tạm lập chúc thư để sắp xếp nơi thờ cúng tổ tiên trong đó có cả ông L.C.H. được thụ hưởng một phần theo chúc thư, từ đó đến nay những người thụ hưởng đang quản lý sử dụng chờ ngày kê khai chuyển tên thì đột nhiên ông H. làm đơn kiện đòi tài sản.

Nay ông H. có đơn khởi kiện và xuất trình chúc thư năm 1993 có chữ ký của địa chính và chủ tịch UBND xã Y.S. ông không đồng ý vì chúc thư lập năm 1993 nhưng năm 2000 bố ông là cụ L.C.Hng. lại đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hơn nữa thửa đất này đã được phân chia cho ông từ năm 1981 nên ông H. không có quyền đòi lại tài sản.

Ông đề nghị Toà án công nhận thửa đất số 650 tờ bản đồ số 02 diện tích 317m² là của ông và ông được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông Hno. xác nhận ông chỉ đưa ra ý kiến như vậy để Toà án tham khảo còn ông không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

Ông L.C.Hg. trình bày: Về quan hệ huyết thống: Ông hoàn toàn nhất trí với lời trình bày của ông L.C.H..

Về tài sản đang tranh chấp: Ông hoàn toàn nhất trí với ý kiến của ông H., ông đề nghị Toà án giải quyết tranh chấp theo di chúc mà bố mẹ ông lập năm 1993 thừa đất số 650 tờ bản đồ số 02 diện tích 265m² tại thôn 4, xã Y.S., H.Đ., Hà Nội đó được bố mẹ phân chia cho ông H. và Ông Hs., nếu không được thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà L.T.Mc., bà L.T.Mi. trình bày: Các bà là con gái của cụ Hg. và cụ Mc. là chị gái ông H., năm 1981 bố mẹ các bà đã chia tài sản cho 5 anh em trai là ông L.C.Hno, ông L.C.H., ông L.C.Hs., ông L.C.Hn. và ông L.C.Hg. trong đó Ông Hs., ông H., ông Hg., ông Hn. đã quản lý tài sản cũng như được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như biên bản phân chia năm 1981. Đối với thửa đất chia cho ông Hno. có diện tích 317m² (đang có tranh chấp giữa ông H. và ông Hn.) đó được cụ Mc. và cụ Hg. phân chia cho ông L.C.Hno. Tuy nhiên đến năm 2000 thì thửa đất này lại được cấp cho hộ cụ Hg. (bao gồm cả gia đình ông H.). Năm 2003 ông H. xin ông Hno. 52m² đất tại thửa đất này, ông Hno. đồng ý cho nên thửa đất này khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Hg. chỉ còn 265m².

Năm 1993 bố mẹ các bà có làm di chúc phân chia thửa đất này cho ông H. và Ông Hs. để làm nhà thờ nhưng sau đó bố mẹ các bà đã có đơn huỷ bỏ di chúc nên năm 2000 bố các bà mới kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ.

Năm 2016 ông H. đã trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hno., nên ông Hno. đã có văn bản cho chị em bà và ông Hn. nên ông Hn. và mới đến ở và quản lý nhà đất như hiện nay.

Nay ông H. khởi kiện đòi lại tài sản các bà không đồng ý vì phần đất này đã chia cho ông Hno. nên thuộc quyền sử dụng của ông Hno., nếu không được các bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, các bà không đồng ý với nội dung bản di chúc ông H. xuất trình, các bà đề nghị giải quyết theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000 mang tên bố các bà là cụ L.C.Hng..

Các bà khẳng định khi còn sống bố mẹ các bà đứng tên 1 sổ hộ khẩu riêng không chung với con nào, nay ông H. xuất trình sổ hộ khẩu của gia đình ông H. trong đó có cả khẩu của bố mẹ các bà là không đúng, việc này do ông H. tự làm vì lúc đó ông H. làm cán bộ xã. Các bà khẳng định Thửa đất số 650 đang tranh chấp là của riêng ông Hno. và các bà không có yêu cầu độc lập hoặc có yêu cầu gì khác trong vụ án này.

Bà T.T.Hg. và các con là anh L.T.Hy. và anh L.Q.H. trình bày: Bà là vợ của ông L.C.Hs., Ông Hs. đã chết 2013. Ông Hs. và bà có 2 người con là anh L.T.Hy. và anh L.Q.H.. Năm 1993 bố mẹ chồng bà lập di chúc phân chia thừa đất số 260, tờ bản đồ số 02 cho ông H. và Ông Hs.. Trước đây ông H. là người quản lý sử dụng, năm 2016 ông Hn. đến quản lý sử dụng thửa đất này thì xảy ra tranh chấp. Nay bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật, về quyền lợi của chồng bà, bà và các con không có yêu cầu hoặc đề nghị gì, nếu Toà án xem xét giải quyết theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2000 cho hộ cụ Hg., bà và các con cũng nhất trí, không có yêu cầu hoặc thắc mắc gì. Về quyền lợi của Ông Hs. nếu có theo Bản di chúc lập năm 1993 bà và các con cũng không có yêu cầu hoặc đề nghị gì. Bà và các con xin vắng mặt trong cả quá trình Toà án giải quyết vụ án và phiên xét xử.

Bản án số 19/2017/DSST ngày 30/9/2017 Toà án nhân dân huyện H.Đ. đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L.C.H. đối với ông L.C.Hn. về tranh chấp kiện đòi tài sản và xác định tài sản.

2. Xác định phần tài sản của gia đình ông L.C.H. là 144m², trong đó có phần sử dụng chung là 26,7m² thuộc thửa đất số 650, tờ bản đồ số 02 tại thôn 4, xã Y.S., huyện H.Đ., thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 804341 do UBND huyện H.Đ., tỉnh Hà Tây cũ (nay là Thành phố Hà Nội) cấp ngày 13/9/2000 cho hộ ông L.C.Hng..

3. Xác định phần di sản của cụ L.C.Hng. và cụ N.T.Mc. là 113m², trong đó có 20,8m² sử dụng chung thuộc thửa đất số 650, tờ bản đồ số 02 tại thôn 4, xã Y.S., huyện H.Đ., thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 804341 do UBND huyện H.Đ., tỉnh Hà Tây cũ (nay là Thành phố Hà Nội) cấp ngày 13/9/2000 cho hộ ông L.C.Hng..

4. Buộc ông L.C.Hn.phải trả cho ông L.C.H.144m² đất tại thửa đất số 650, tờ bản đồ số 02 tại thôn 4, xã Y.S., huyện H.Đ., thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 804341 do UBND huyện H.Đ., tỉnh Hà Tây cũ (nay là Thành phố Hà Nội) cấp ngày 13/9/2000 cho hộ ông L.C.Hng., trên đó có 1 ngôi nhà xưởng, cùng sân, vườn.

5. Buộc ông L.C.Hn.phải trả cho người đại diện quản lý di sản của cụ L.C.Hng. và cụ N.T.Mc. là ông L.C.H. 113m² đất tại thửa đất số 650, tờ bản đồ số 02 tại thôn 4, xã Y.S., huyện H.Đ., thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 804341 do UBND huyện H.Đ., tỉnh Hà Tây cũ (nay là Thành phố Hà Nội) cấp ngày 13/9/2000 cho hộ ông L.C.Hng., trên đó có nhà cấp 4, cùng sân, v□òn.

6. Xác định di sản của cụ L.C.Hng. và cụ N.T.Mc. là 113m², (trong đó có 20,8m² sử dụng chung) cùng các tài sản có trên đất gồm: nhà cấp 4 cùng sân, vườn tại

thửa đất số 650 tờ bản đồ số 02 thôn 4, xã Y.S., huyện H.Đ., thành phố Hà Nội. Thuộc quyền sở hữu, sử dụng chung của các đồng thừa kế của cụ L.C.Hng. và cụ N.T.Mc. gồm: Ông L.C.Hno., L.C.Hg., L.C.Hn., L.C.H., bà L.T.Mc., bà L.T.Mi., bà T.T.Hg. và các con là anh L.T.Hy., anh L.Q.H..

7. Giao cho ông L.C.H. đại diện các đồng thừa kế của cụ Hg., cụ Mc. được quyền trông nom, quản lý phần di sản của cụ Hg., cụ Mc. cùng các tài sản có trên đất đến khi có sự thay đổi pháp lý về quyền sở hữu, sử dụng khối tài sản này. Việc sửa chữa, cải tạo hoặc thực hiện các giao dịch dân sự đối với phần tài sản này, ông H. phải thực hiện theo quy định tại Điều 617, 618 Bộ luật Dân sự năm 2015.

8. Diện tích sử dụng làm ngõ đi chung của 02 thửa đất là 47,5m².

9. Buộc ông L.C.H. phải thanh toán giá trị của công sắt, giếng nước trên phần đất được giao cho ông L.C.Hn. là: 4.200.000đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông L.C.Hn. kháng cáo toàn bộ nội dung bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn đưa ra phương án hòa giải nhưng đại diện của bị đơn, bà Mc., bà Mi. không nhất trí.

Luật sư, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị bác kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn, bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký Tòa án và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Trên cơ sở các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự tại phiên tòa thấy không có căn cứ xác định thửa đất số 650 tờ bản đồ số 02 tại thôn 4, xã Y.S., huyện H.Đ., Hà Nội thuộc quyền sử dụng của ông L.C.H.. Thửa đất này hiện do ông Hn., bà Mi., bà Mc. đang quản lý sử dụng. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị hội đồng xét xử: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 19 ngày 30/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện H.Đ., theo hướng: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi quyền sử dụng đất của ông H.. Buộc ông Hn., bà Mi., bà Mc. thanh toán cho ông H. giá trị tài sản của ông H. có trên đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Đơn kháng cáo của ông L.C.Hn. là hợp pháp, kháng cáo trong thời hạn quy định của pháp luật. Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, ông L.C.Hn., bà L.T.Mi., bà L.T.Mc., ông Trần Danh Cúc gửi đơn yêu cầu độc lập ghi ngày 08/11/2017 đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị ông L.C.H. phải trả lại diện tích đất 4 m² do ông H. đã lấn chiếm của xóm. Đơn yêu cầu độc lập này không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 200, Điều 201 của Bộ luật tố tụng dân sự nên không được xem xét.

[2]. *Về nội dung* đơn kháng cáo của ông L.C.Hn. kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: “Năm 2000 cụ L.C.Hng. thực hiện việc đăng ký kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông L.C.Hng. đối với thửa đất số 650, tờ bản đồ số 02 tại thôn 4, xã Y.S., huyện H.Đ., thành phố Hà Nội.

Về thành phần trong hộ gia đình cụ L.C.Hng. vào thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000 được Ban công an xã Y.S. xác nhận gồm cụ L.C.Hng., cụ N.T.Mc., ông L.C.H., bà N.T.L., anh L.V.H., anh L.V.Hj., anh L.N.Q..

Do đó có đủ căn cứ khẳng định thửa đất số 650, tờ bản đồ số 02 tại thôn 4, xã Y.S., huyện H.Đ., thành phố Hà Nội và các tài sản có trên đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của cụ L.C.Hng., cụ N.T.Mc., ông L.C.H., bà N.T.L., anh L.V.H., anh L.V.Hj., anh L.N.Q.. Cấp sơ thẩm xác định tài sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ cụ Hg. là tài sản chung của cả hộ, nay cụ Hg. và cụ Mc. đó mất nhưng những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hg. và cụ Mc. không ai có yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Hg., cụ Mc.. Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông L.C.H. xác định phần tài sản của cụ Hg. và cụ Mc. và phần tài sản của gia đình ông H. thành 2 phần riêng biệt”.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Y.S., H.Đ., Hà Nội thì nguồn gốc thửa đất số 650, tờ bản đồ số 02 tại thôn 4, xã Y.S., huyện H.Đ., thành phố Hà Nội hiện nay đang có tranh chấp giữa ông L.C.H. với ông L.C.Hn.: “trước năm 1975 tại sổ ghi chép địa bạ trong làng ghi lại thông tin theo bản đồ năm 1924, ông L.C.Hno kê khai gồm 02 thửa. Thửa 490 diện tích 420 m² nhà gói (đất ở), hiện bây giờ là thửa số 650 tờ bản đồ 02 đo đạc năm 1986.... Năm 1987, thửa số 650 tờ bản đồ số 02 do hộ ông L.C.Hng. kê khai diện tích đất ở là 317 m². Khi đó nhà ông L.C.Hng. gồm 04 khẩu: ông L.C.Hng.; bà N.T.Mc.; ông

L.C.Hno; ông L.C.Hg.. Lý do chuyển chủ hộ từ ông L.C.Hno sang ông L.C.Hng. thì UBND Y.S. không có tài liệu chứng minh việc chuyển đổi. Ngày 30/8/2000 UBND huyện H.Đ. cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa 650, tờ bản đồ 02 diện tích 265 m² đất ở... Tại tờ bản đồ đo đạc năm 2004, thửa 650 của cụ Hg. là thửa số 52 diện tích 257 m²” (b1 203).

Theo tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự thì năm 1981, cụ Hg., cụ Mc. đã phân chia đất cho các con, ông Hno. được hưởng 317m² là thửa 650 tờ bản đồ số 02. Ngày 30/8/2000 UBND huyện H.Đ. cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa 650, tờ bản đồ 02 diện tích 265 m² đất ở mang tên hộ ông L.C.Hng.. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này do ông L.C.H. quản lý. Năm 2015 ông H. giao lại giấy chứng nhận này cho các anh em trong gia đình và hiện nay ông Hn. quản lý.

Như vậy kể từ ngày 30/8/2000 UBND huyện H.Đ. cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa 650, tờ bản đồ 02 diện tích 265 m² đất ở cho hộ cụ L.C.Hng. thì các con của cụ đều biết và cho đến nay không ai khiếu nại hoặc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ cụ L.C.Hng..

Về đăng ký nhân khẩu thường trú của hộ cụ Hương: Theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Y.S., H.Đ., Hà Nội thì năm 1987, thửa số 650 tờ bản đồ số 02 do hộ ông L.C.Hng. kê khai diện tích đất ở là 317 m². Khi đó nhà ông L.C.Hng. gồm 04 khẩu: ông L.C.Hng.; bà N.T.Mc.; ông L.C.Hno; ông L.C.Hg.. Lý do chuyển chủ hộ từ ông L.C.Hno sang ông L.C.Hng. thì UBND Y.S. không có tài liệu chứng minh việc chuyển đổi. Theo sổ hộ khẩu gia đình số 207832 của Công an tỉnh Hà Tây cũ thì chủ hộ là ông L.C.H., địa chỉ thôn 4, xã Y.S., H.Đ., trong hộ có bà N.T.L., cụ L.C.Hng., cụ N.T.Mc., anh L.V.H., anh L.V.Hj., anh L.N.Q. đăng ký ngày 31/12/2000. Xác nhận của Ban công an xã vào bản sao từ sổ hộ khẩu gốc công an xã quản lý từ năm 1993 đến năm 2000 thì không ghi ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu của cụ Hg., cụ Mc. vào hộ của ông H., Bà L., anh Hòa, anh Hj., anh Q..

Tại đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở nông thôn của cụ L.C.Hng. theo mẫu có ghi: Tên tôi là L.C.Hng. – chủ hộ gia đình và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông L.C.Hng. ngày 13/9/2000. Như vậy nếu căn cứ vào đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông L.C.Hng. thì mâu thuẫn với sổ hộ khẩu gia đình số 207832 của Công an tỉnh Hà Tây cũ, tại sổ này cụ Hg. không phải là chủ hộ mà ông L.C.H. là chủ hộ; cụ Hg. chỉ là một trong các thành viên của hộ. Theo ngày tháng đăng ký sổ hộ khẩu gia đình số 207832 thì cụ Hg. đăng ký hộ khẩu sau ngày được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cũng trong thời gian này, ngày 30/8/2000 hộ ông H. (do ông H. là chủ hộ) cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích

217 m², tờ bản đồ số 02, thửa số 669 thôn 4, Y.S., H.Đ., Hà Nội. Thực tế, khi cụ Hg. và vợ là cụ Mc. còn sống thì hai cụ không sống cùng gia đình ông H. mà hai cụ sinh hoạt, ăn ở riêng tại thửa đất mà các bên đang tranh chấp, còn gia đình ông H. ăn ở riêng tại nhà đất khác và cũng không có văn bản nào thể hiện cụ Hg., cụ Mc. thỏa thuận là tài sản chung của hộ gia đình ông H..

Trong các lời khai của mình ông H. thừa nhận thửa 650, tờ bản đồ 02 diện tích 265 m² thôn 4, Y.S., H.Đ., Hà Nội là của cụ L.C.Hng. đến năm 1993 cụ Hg. viết di chúc cho ông và Ông Hs.. Về “Giấy chuyển quyền sở hữu tài sản cho hai người con giai” lập ngày 10/6/1993 có chữ ký và điểm chỉ của cụ Hg., cụ Mc. và xác nhận của UBND xã Y.S. với nội dung: Năm 1951, hai cụ có mua được thửa đất và xây dựng nhà trên đất cùng với công trình phụ trên đất, nay hai cụ thống nhất giao quyền sở hữu cho hai người con giai là L.C.H. và L.C.Hs. được sở hữu và sử dụng làm nơi thờ cúng tổ tiên. Xét thấy, nội dung của giấy chuyển quyền sở hữu tài sản trên không phải là di chúc mà có nội dung tặng cho tài sản. Tuy nhiên, sau khi lập giấy các bên không thực hiện theo thủ tục quy định của pháp luật. Năm 2000, cụ Hg. đã thay đổi quan điểm và kê khai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất không còn giá trị. Mặt khác, giấy chuyển quyền tài sản lập ngày 10/6/1993 nội dung không ghi cụ thể số thửa, tờ bản đồ nhưng đến ngày 14/6/1993, Ban quản lý ruộng đất xã Y.S. xác nhận: “Chức thư của ông L.C.Hng. và bà N.T.Mc. chuyển giao quyền sở hữu tài sản trên thửa 650, tờ 02, bản đồ 299 là đúng. Đông giáp đất công và thửa 670. Tây giáp thửa 651 và ngõ công. Nam giáp thửa 669 và ngõ công. Bắc giáp thửa 649”. Như vậy việc xác nhận này là không có căn cứ và không đúng với nội dung của giấy chuyển quyền tài sản sở hữu tài sản.

Từ những phân tích trên xét thấy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 804341 ghi chứng nhận hộ ông L.C.Hng. được quyền sử dụng đất thửa 650, tờ bản đồ 02 diện tích 265 m² thôn 4, Y.S., H.Đ., Hà Tây (nay là Hà Nội) không đồng nghĩa với việc diện tích đất này trở thành tài sản chung của cụ Hg., cụ Mc. và ông H., Bà L., anh Hòa, anh Hj., anh Q. và cũng không có tài liệu nào thể hiện cụ Hg., cụ Mc. sáp nhập tài sản trên vào làm tài sản chung của gia đình ông H.. Do vậy, có căn cứ để xác định thửa đất 650, tờ bản đồ 02 diện tích 265 m² thôn 4, Y.S., H.Đ., Hà Nội không phải là tài sản chung của cụ Hg., cụ Mc. và hộ gia đình ông L.C.H.. Hiện nay, toàn bộ diện tích nhà đất và tài sản đang tranh chấp do ông Hn., bà Mi., bà Mc. đang quản lý.

Về các tài sản ông H. tạo dựng trên diện tích đất được các bên thống nhất theo biên bản định giá ngày 12/7/2017 gồm: 01 cây nhãn giá 480.000đ; 01 cây cau giá 420.000đ; 01 cây đào giá 100.000đ; 01 cây bưởi đường kính 10-15cm giá 180.000đ; 02 cây bưởi đường kính 5-10cm giá 240.000đ; Xưởng mái tôn giá 4.829.600đ;

chuồng lợn giá 500.000đ; (b1 200). Cộng 6.749.600đ. Hiện ông Hn., bà Mi., bà Mc. là người quản lý diện tích nhà đất trên, nên buộc ông Hn., bà Mi., bà Mc. trả lại cho ông H. giá trị tài sản trên.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông L.C.Hn.. Sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông L.C.H.. Buộc ông L.C.Hn., bà L.T.Mc., bà L.T.Mi. phải trả ông L.C.H. 6.749.600đ trị giá tài sản trên đất và ông L.C.Hn., bà L.T.Mc., bà L.T.Mi. được sở hữu những tài sản này.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm.

Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên ông Hn. không phải chịu phí phúc thẩm

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 118; 175; 230; 263; 264; 641; 642; 643 của Bộ luật Dân sự năm 1995.

Căn cứ vào các Điều 26;38; 147;148, 227, 228;khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 19/2017/DS-ST ngày 30/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện H.Đ., thành phố Hà Nội, cụ thể:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông L.C.H. đối với ông L.C.Hn..
2. Buộc ông L.C.Hn., bà L.T.Mc., bà L.T.Mi. có trách nhiệm trả ông L.C.H. 6.749.600đ trị giá tài sản trên đất gồm: 01 cây nhãn giá 480.000đ; 01 cây cau giá 420.000đ; 01 cây đào giá 100.000đ; 01 cây bưởi đường kính 10-15cm giá 180.000đ; 02 cây bưởi đường kính 5-10cm giá 240.000đ; Xưởng mái tôn giá 4.829.600đ; chuồng lợn giá 500.000đ. Cộng 6.749.600đ. Ông Hn., bà Mi., bà Mc. được sở hữu những tài sản này.
3. Bác yêu cầu của ông L.C.H. về yêu cầu xác định quyền sử dụng diện tích thửa đất 650, tờ bản đồ 02 diện tích 265m² thôn 4, xã Y.S., huyện H.Đ., thành phố Hà Nội là tài sản chung của hộ ông L.C.H..
4. Bác yêu cầu đòi quyền sử dụng đất thửa đất 650, tờ bản đồ 02 diện tích 265m² thôn 4, xã Y.S., huyện H.Đ., thành phố Hà Nội của ông L.C.H..

5. Tạm giao cho ông L.C.Hn., bà L.T.Mc., bà L.T.Mi. tiếp tục quản lý thửa đất 650, tờ bản đồ 02 diện tích 265 m² thôn 4, xã Y.S., huyện H.Đ., thành phố Hà Nội và các tài sản trên đất đến khi có yêu cầu khác.

6. Bác các yêu cầu khác của đương sự.

7. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Ông L.C.H. phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009876 ngày 11/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H.Đ., Hà Nội. Hoàn trả ông H. 3.700.000 đồng (Ba triệu bảy trăm ngàn đồng).

Ông L.C.Hn., bà L.T.Mc., bà L.T.Mi. phải chịu 337.000 đồng (Ba trăm ba mươi bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Ông L.C.Hn. được trả lại 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007691 ngày 23/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H.Đ., Hà Nội.

- Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND huyện H.Đ.;
- Chi cục THADS huyện H.Đ.;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Mai Tiến Dũng

